TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2018/DS-ST
Ngày 26-10-2018
V/v Tranh chấp về
"Hợp đồng tín dung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc;

Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2012/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2012 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B;

Địa chỉ: Ấp Thạnh P, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trường A – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1979 – Chức vụ: Giám đốc Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18-10-2016); có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ 1, ấp Đông Biên, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm N, sinh năm 1963; cư trú tại: Tổ 2, ấp Kà Ốt, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ 6, ấp Đông Biên, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-3-2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-11-2016 và lời khai tại Tòa án, đại diện nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày: Ngày 23-3-2007, ông Bùi Văn N ký Hợp đồng tín dụng số 301/2007/HĐTD với Quỹ tín dung Nhân dân Công ty cao su Tân B (từ đây gọi là QTD) để vay số tiền 20.000.000 đồng để mua xe gắn máy và sửa nhà, lãi suất cho vay theo thỏa thuận 1,35%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,025%/ tháng, thời hạn cho vay 24 tháng.

Khi vay tiền, ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ đây gọi là GCN QSDĐ), được UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17-5-2005, tại thửa số 811, tờ bản đồ số 4A, diện tích 396 m^2. Đất tọa lạc tại ấp Đông Biên, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông Nhàn và bà Hồng đã trả tiền vay cho QTD được 4.000.000 đồng và tiền lãi trả đến ngày 25-01-2008 được 2.723.500 đồng thì ngưng cho đến nay.

Bà Hiền đại diện cho QTD yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nhàn và bà Hồng trả QTD số tiền vay còn nợ 16.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 1,35%/ và tiền lãi quá hạn 2,025%/ tháng tính từ ngày 26-01-2008 đến ngày 13-11-2016 là 35.702.700 đồng và tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng đến khi giải quyết xong vụ án.

Lời khai của Bùi Văn N: Ngày 23-3-2007, vợ chồng ông được bà Dương Thị H đến nhà hướng dẫn và giới thiệu đến QTD để làm thủ tục vay số tiền. Vợ chồng ông chỉ có nhu cầu vay số tiền 5.000.000 đồng để trả tiền vay của bà Hải 2.000.000 đồng, số tiền 3.000.000 đồng còn lại dùng để mua xe làm phương tiện đi lại. Thời gian nào ông không nhớ, ông cùng với bà Hải đến QTD để làm hồ sơ vay 5.000.000 đồng và vợ chồng có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông và bà Hồng đứng tên. Ông không biết chữ, nên tại QTD ông lăn tay vào hợp đồng vay nhưng không được cán bộ tín dụng hay bà Hải đọc lại nội dung của hợp đồng, do đó trong hợp đồng ghi số tiền vay bao nhiêu ông không biết. Sau khi lăn tay vào hồ sơ vay tiền, bà Hải thông báo cho ông về trước, nên ông không nhận được tiền tại QTD, đến khoảng 06 giờ chiều cùng ngày ông đến nhà bà Hải nhận được số tiền vay 5.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền, vợ chồng ông trả tiền vay cho QTD được 3.500.000 đồng và tiền lãi khoảng 1.895.500 đồng, còn nợ lại 1.500.000 đồng. Ông Nhàn đồng ý trả số tiền còn nợ 1.500.000 đồng, nhưng xin không trả tiền lãi vì hoàn cảnh gia đình ông khó khăn. Ông không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của QTD.

Lời khai của bà Trần Thị Minh H: Bà thống nhất với lời khai của ông Nhàn, không bổ sung gì thêm.

Lời khai của bà Lâm N: Khoảng tháng 3-2007, người tên Tuấn là nhân viên của doanh nghiệp tư nhân Sơn Thành Tân (gọi là Doanh nghiệp) đến gặp bà và thông báo hộ người dân tộc cần vay tiền để mua xe, sửa nhà thì giới thiệu để Tuấn làm thủ tục, bà đã giới thiệu cho hộ Khum Don, ông Mi Chi và một số hộ khác đem GCN QSDĐ đến để làm thủ tục vay tiền. Tuấn đem hồ sơ đến tại nhà bà để các hộ vay đến lăn tay và đến UBND xã Tân Đông chứng thực, khoảng 10 ngày sau Tuấn thông báo cho bà và bà Hải đưa các hộ vay là người dân tộc và người kinh đến QTD làm thủ tục nhận tiền, nhưng sau khi ông Khum Don, ông Mi Chi và các hộ vay lăn tay tại QTD thì cho về vì chưa có tiền. Sau đó khoảng 02 ngày ông Thành là chủ doanh nghiệp Sơn Thành Tân (doanh nghiệp không còn hoạt động, chủ doanh nghiệp đã chết) thông báo cho bà và bà Hải đến nhận tiền, số tiền ông Thành giao bao nhiêu bà không nhớ và cũng không làm giấy biên nhận. Hộ vay 10.000.000 đồng phải trả tiền công đi làm hồ sơ cho nhân viên của Doanh nghiệp 500.000 đồng và 50.000 đồng làm thẻ thành viên vay vốn, hộ ông Khum Don và hộ ông Mi Chi đến nhà bà nhận được số tiền mỗi hộ 9.450.000 đồng. Sau khi vay tiền, bà Huốt Sa Mon có đưa cho bà 3.000.000 đồng để trả tiền vay cho QTD, nhưng bà không trực tiếp đi đóng tiền mà đưa lại cho bà Hải đi nộp thay, còn bà Hải có nộp không bà không biết.

Lời khai của bà Dương Thị H: Khoảng tháng 3-2007, bà có giới thiệu hộ ông Bùi Văn N và một số hộ người kinh đến Doanh nghiệp để vay tiền mua xe, bà Nữ giới thiệu hộ người dân tộc. Trước khi đến QTD vay tiền, thì người tên Tuấn là nhân viên của Doanh nghiệp đem hồ sơ đến nhà bà Nữ cho các hộ vay là người dân tộc lăn tay, còn ông Nhàn, bà Hồng đến lăn tay vào hồ sơ tại nhà bà, số tiền vợ chồng ông Nhàn yêu cầu vay là 5.000.000 đồng, nhưng trong hợp đồng ghi số tiền vay bao nhiêu bà không biết, tất cả hợp đồng vay vốn sau đó Tuấn đem đến UBND xã Tân Đông chứng thực. Khoảng 10 ngày sau, Tuấn thông báo cho bà và bà Nữ đưa những người có hồ sơ vay tiền đến QTD làm thủ tục nhận tiền, nhưng sau khi các hộ vay lăn tay xong thì cho về, còn người tên Tuấn ở lại nhận tiền, 02 ngày sau ông Thành thông báo cho bà và bà Nữ đến Doanh nghiệp nhận tiền cho các hộ vay. Trước khi giao tiền, đối với hộ vay 10.000.000 đồng thì Tuấn trừ tiền công đi làm hồ sơ 500.000 đồng và 50.000 đồng làm thẻ thành viên vay vốn, nên hộ ông Mi Chi và hộ ông Khum Don mỗi hộ chỉ nhận được số tiền vay 9.450.000 đồng. Đối với hộ của ông Nhàn vay 5.000.000 đồng bà nhận đủ và ông Nhàn trực tiếp đến nhận lại tại nhà bà. Sau khi vay tiền, hộ ông Mi Chi đưa trực tiếp cho bà 3.000.000 đồng để trả tiền

vay cho QTD; hộ ông Khum Don đưa cho bà Nữ 3.000.000 đồng nhờ trả tiền vay cho QTD, nhưng bà Nữ đưa lại cho bà, số tiền 6.000.000 đồng bà trả tiền vay cho hai hộ trên tại QTD, nhưng QTD trừ vào tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hiền đại diện cho QTD yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nhàn, bà Hồng trả số tiền vay còn nợ cho QTD là 16.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng, gồm tiền lãi trong hạn và quá hạn đến ngày 26-10-2018 là 43.392.300 đồng, tổng cộng 59.392.300 đồng.

Ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H; bà Dương Thị H và bà Lâm N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của QTD buộc ông Nhàn và bà Hồng trả số tiền vay 16.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 1,35%/ và tiền lãi quá hạn 2,025%/ tháng tính từ ngày 26-01-2008 đến khi giải quyết xong vụ án là không có cơ sở, vì hộ ông Nhàn chỉ có nhu cầu vay 5.000.000 đồng, bà Hải thừa nhận chỉ giao cho ông Nhàn số tiền vay 5.000.000 đồng; QTD thừa nhận bà Hải đã chiếm dụng số tiền 14.500.000 đồng; ông Nhàn đã trả được 4.000.000 đồng tiền vay và 2.723.500 đồng tiền lãi; quá trình làm việc tại Công an, bà Hải, bà Nữ, ông Thành, anh Tuấn khai, khi ký hợp đồng, số tiền ghi trong hợp đồng, nhiều hơn số tiền các hộ vay thực nhận; số tiền chiếm dụng dùng để mua xe cho những hộ có nhu cầu mua xe, nhưng không có tài sản thế chấp. Do đó, số tiền giao dịch 15.000.000 đồng trong hợp đồng giữa QTD với ông Nhàn là vô hiệu do bị lừa dối; đối với giao dịch 5.000.000 đồng là sự tự nguyện, nên có hiệu lực. Ông Nhàn đã trả tiền lãi trên số tiền vay 20.000.000 đồng, trong khi đó tiền lãi trên số tiền vay 5.000.000 đồng là 1.620.000 đồng, nhưng ông Nhàn đã trả 2.723.500 đồng, khấu trừ vào tiền gốc, ông Nhàn còn lại 103.500 đồng, nhưng không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ các Điều 121, 132, 135, 471, 474 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu của QTD yêu cầu ông Nhàn, bà Hồng trả số tiền vay 16.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn đến ngày xét xử; QTD có trách nhiệm trả lại GCN QSDĐ cho ông Nhàn, bà Hồng; QTD chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H là bị đơn; bà Dương Thị H, bà Lâm N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Nhàn, bà Hồng, bà Hải và bà Lâm N.

[2] Về nội dung: Ngày 23-3-2007, giữa QTD và ông Bùi Văn N thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số 301/07/HĐTD, theo hợp đồng thì ông Nhàn vay tại QTD 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay 1,35%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,025%/ tháng, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay tiền để sửa nhà và mua xe gắn máy, do không biết chữ nên ông Nhàn lăn tay vào hợp đồng.

Trước khi vay tiền, ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H có thế chấp tài sản tại QTD 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 991605 do UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17-5-2005, tại thửa đất số 811, tờ bản đồ số 4A, diện tích 396 m^2 do ông Nhàn, bà Hồng đứng tên. Đất tọa lạc ấp Đông Biên, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu của QTD yêu cầu ông Nhàn, bà Hồng trả số tiền vay còn nợ 16.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 1,35%/ và tiền lãi quá hạn 2,025%/ tháng tính đến ngày 26-10-2018 là 43.392.300 đồng thấy rằng, tại thời điểm năm 2007, QTD khi tiến hành thủ tục cho khách hàng vay vốn đã thực hiện không đúng theo Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT, ngày 23-02-2005 của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng công ty cao su Tân B như: Người trực tiếp giao dịch với khách hàng khi làm thủ tục vay không phải là cán bộ tín dụng của QTD; không xác định nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền vay trong hợp đồng và số tiền khách hàng thực nhận khác nhau, do không biết chữ, nhưng trước khi lăn tay vào hợp đồng không được ai đọc lại nội dung; người không vay tiền nhưng được nhận tiền tại kho quỹ của QTD, còn khách hàng nhận tiền vay tại nhà bà Lâm N và bà Dương Thị H ...v.v.

Tại Kết luận thanh tra số 36/KL-TNI_5, ngày 19-01-2009 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tây Ninh kết luận: " QTD Cao su Tân B cho vay 03 đợt đối với 31 hộ dân tộc Khmer số tiền vay 705 trđ không đúng quy trình cho vay, thông qua người môi giới để người môi giới chiếm dụng vốn vay của khách hàng. Do các hộ vay không biết chữ và không nói thông thạo tiếng Việt nên thông qua 02 người môi giới tạo điều kiện cho 02 người môi giới lợi dụng chiếm dụng vốn vay của các hộ dân tộc 504 trđ... Giám đốc chỉ đạo kế toán và thủ quỹ lập thu khống số tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn số tiền 379 trđ bằng với số tiền giải ngân nhận nợ cho 18 hộ vay vốn để mua xe tại DNTN Sơn Thành Tân, sửa nhà nhưng thực tế người vay chỉ ký nhận trên phiếu chi không nhận tiền vay tại Quỹ. Khi người vay nhận tiền tại DNTN

Sơn Thành Tân thông qua người môi giới, 02 đối tượng môi giới chiếm dụng một phần vốn vay... người môi giới thu tiền phí quan hệ và hồ sơ vay vốn mỗi hộ từ 500.000 đ đến 800.000 đ".

Tại bảng kê chi tiết các hộ vay bị chiếm dụng (BL số 240); Công văn số 190/CV-QTD, ngày 11-10-2011 (BL số 227); Công văn số143/CV-QTD, ngày 07-7-2014 (BL số 215) QTD thừa nhận các hộ vay người dân tộc, người kinh bị chiếm dụng vốn, trong đó hộ ông Bùi Văn N theo hợp đồng tín dụng vay 20.000.000 đồng, nhưng thực nhận 5.000.000 đồng, bị chiếm dụng 15.000.000 đồng, ông Nhàn đã trả được số tiền 5.223.500 đồng (gốc 2.500.000 đồng, tiền lãi 2.723.500 đồng).

Tại các biên bản giải quyết tại Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 10-6-2011 (BL số 211, 213) và biên bản giải quyết tại Công an xã Tân Đông, huyện Tân Châu ngày 04-8-2010 và ngày 11-5-2010 (BL số 219, 223) bà Dương Thị H và bà Lâm N cũng thừa nhận chiếm dụng số tiền của 23 hộ vay vốn là người dân tộc, người kinh tại QTD số tiền 383.500.000 đồng, trong đó số tiền bà Hải chiếm dụng 237.000.000 đồng, bà Lâm N chiếm dụng 146.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, QTD không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền trên đối với bà Hải, bà Nữ.

Với những chứng cứ trên thấy rằng, Hợp đồng tín dụng số 301/07/HĐTD, ký kết giữa QTD với ông Bùi Văn N ngày 23-3-2007 là vô hiệu do bị lừa dối, vì khi lăn tay vào hợp đồng tín dụng, người vay không biết số tiền ghi trong hợp đồng là bao nhiêu, không được cán bộ QTD đọc lại nội dung hợp đồng cho nghe, trong khi người vay không biết chữ, người dân tộc còn không nói được tiếng Việt, trong hợp đồng tín dụng số tiền cho vay nhiều hơn nhu cầu vốn vay của khách hàng, nên số tiền còn lại theo hợp đồng bị người thứ ba chiếm dụng. Do hợp đồng tín dụng vô hiệu, nên Hợp đồng thế chấp tài ản số 132/07/HĐTC, ngày 23 tháng 3 năm 2007 giữa đại diện QTD do ông Trương Văn Vinh ký bên nhận thế chấp với bên thế chấp do ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H lăn tay được được UBND xã Tân Đông chứng thực và đăng ký tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Châu ngày 22-3-2007 cũng vô hiệu theo, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, khôi phục lại tình trạng ban đầu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H có trách nhiệm trả cho QTD số tiền vay đã nhận 5.000.000 đồng. Nhưng theo phiếu thu QTD cung cấp, phụ lục hợp đồng đã xác định hộ ông Nhàn, bà Hồng đã trả được số tiền 6.723.500 đồng, trong đó trả tiền gốc 4.000.000 đồng, tiền lãi 2.723.500 đồng, như vậy ông Nhàn, bà Hồng đã trả cho QTD thừa 1.723.500 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nhàn, bà Hồng không yêu cầu QTD trả lại số tiền 1.723.500 đồng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của QTD yêu cầu ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H trả số tiền vay 16.000.000 đồng và tiền lãi 43.392.300 đồng, tổng cộng 59.392.300 đồng.

QTD có trách nhiệm trả cho ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 991605 do UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17-5-2005, tại thửa đất số 811, tờ bản đồ số 4A, diện tích 396 m^2 do ông Nhàn, bà Hồng đứng tên.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 300.000 đồng QTD phải chịu. Ghi nhận ngày 28-8-2018 QTD đã nộp xong.

[5] Tiền tạm ứng án phí và tiền án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 121, 132, 137, 355, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

1. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 301/07/HĐTD, ký kết giữa Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B do ông Trương Văn Vinh đại diện với ông Bùi Văn N ngày 23-3-2007 là vô hiệu do bị lừa dối.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B yêu cầu ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H trả số tiền vay 16.000.000 đồng và tiền lãi 43.392.300 đồng, tổng cộng 59.392.300 đồng (năm mươi chín triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm đồng).

2. Ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H đã trả cho Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B số tiền 6.723.500 đồng. Ghi nhận ông Nhàn, bà Hồng không yêu cầu Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B trả lại số tiền 1.723.500 đồng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

3. Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B có trách nhiệm trả cho ông Bùi Văn N và bà Trần Thị Minh H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 991605 do UBND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17-5-2005, tại thửa đất số 811, tờ bản đồ số 4A, diện tích 396 m^2 do ông Nhàn, bà Hồng đứng tên.

4. Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B phải chị 300.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ghi nhận Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B phải chịu 2.969.500 đồng (hai triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B đã nộp 1.292.500 đồng (một triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng) theo 02 biên lai thu số 0008652, ngày 04-4-2012 và số 0023689, ngày 18-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Quỹ tín dụng Nhân dân Công ty cao su Tân B còn phải nộp 1.677.000 đồng (một triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV, TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Cá đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Quốc Vũ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử | Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Xét lời khai của bà Dương Thị Mốt và ông Hà Văn Thuần cho rằng, số tiền vay do bà Mốt ký tên, lăn tay ngày 02-10-2017 số tiền 770.000.000 đồng và số tiền vay do bà Mốt, ông Thuần ký tên, lăn tay ngày 08-10-2017 số tiền 770.000.000 đồng là chỉ vay cùng số tiền 770.000.000 đồng, nhưng viết thành 02 giấy nợ khác nhau, Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy vay tiền ngày 02-10-2017 do anh Hà Xuân Lũy là con trai của ông Thuần, bà Mốt viết, bà Mốt một mình ký tên, lăn tay vay của bà Thương 770.000.000 đồng....; giấy vay tiền ngày 08-10-2017 do ông Thuần trực tiếp viết và ông Thuần, bà Mốt cùng ký tên, lăn tay vay của bà Thương 770.000.000 đồng, nếu cho rằng 02 giấy vay tiền ngày 02-10-2017 và giấy vay tiền ngày 08-10-2017 chỉ cùng vay số tiền 770.000.000 đồng, vậy tại sao khi viết lại giấy vay tiền

ngày 08-10-2017 ông, bà không lấy lại giấy vay tiền ngày 02-10-2017 để hủy bỏ. Ông Thuần, bà Mốt không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình.

Ngoài số tiền bà Mốt, ông Thuần nợ bà Thương 770.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 02-10-2017, thì ông Thuần, bà Mốt còn vay bà Thương 770.000.000 đồng ngày 08-10-2017 và 620.000.000 đồng vay ngày 10-10-2017. Đối với 02 khoảng nợ này, ngày 13-10-2017 bà Thương đã khởi kiện ông Thuần, bà Mốt tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu và đã giải quyết xong bằng một Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 139/2017/QĐST-DS, ngày 08-12-2017 với số tiền 1.390.000.000 đồng (BL số 16). Trong quá trình giải quyết vụ án này, bà Mốt, ông Thuần không ai đề cập đến khoảng nợ vay ngày 02-10-2017 và ngày 08-10-2017 là chung số tiền vay 770.000.000 đồng (BL số 79, 82, 83).

Bà Mốt, ông Thuần khai số tiền vay 770.000.000 đồng của bà Thương (theo lời khai của bà Mốt, ông Thuần thì 02 giấy nợ ngày 02-10-2017 và ngày 08-10-2017 chỉ vay số tiền 770.000.000 đồng) để trả nợ vay tại Quỹ tín dụng Nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, nhưng chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án chỉ có anh Hà Xuân Lũy và chị Trương Ngọc Vân là con của ông Thuần, bà Mốt ký các hợp đồng tín dụng vay tại Quỹ tín dụng Nhân dân thị trấn Tân Châu (từ BL số 43 đến BL số 69), không có chứng cứ nào bà Mốt, ông Thuần cung cấp cho Tòa án thể hiện ông, bà đã vay tiền tại Quỹ tín dụng Nhân dân thị trấn Tân Châu trước tháng 10-2017, nên không có cơ sở chấp nhận. Dó đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thương, buộc bà Mốt, ông Thuần có nghĩa vụ trả cho bà Thương số tiền vay 770.000.000 đồng.

Về tiền lãi, bà Thương yêu cầu bà Mốt, ông Thuần trả cho bà tiền lãi theo mức lãi suất 1%/ tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, chị Định, anh Đức, chị Hoa có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà Thương cụ thể như sau: 770.000.000 đồng X 1% X 11 tháng, 08 ngày (từ ngày 02-10-2017 đến ngày 10-9-2018) = 86.753.000 đồng. Tổng cộng tiền vay và tiền lãi 856.753.000 đồng.

(lấy trong mâu thuẫn lời khai của bà T; sô tien vay nay truoc so tien vay 08/10 và ngày 10/10 nhung ngày 13-10-2017 bà T khoi kien 02 so tien vay nay mà khong kien so tien vay ngay 02/10?)